

Bài 76 oan oăn oat oắt

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- Nhận biết và đọc đúng các vần *oan, oăn, oat, oắt*; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần *oan, oăn, oat, oắt*; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.
- Viết đúng các vần *oan, oăn, oat, oắt*; viết đúng các tiếng, từ ngữ có các vần *oan, oăn, oat, oắt*.
- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần *oan, oăn, oat, oắt* có trong bài học.
- Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm *Trồng cây* được gợi ý trong tranh.
- Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vật và suy đoán nội dung tranh minh hoạ (*tranh voi bước khoan thai, thỏ chạy thoăn thoắt trên phim hoạt hình; tranh khu vườn cây; tranh một nhóm HS đang trồng cây*).
- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên và trách nhiệm bảo vệ thiên nhiên.

II CHUẨN BỊ

- Nắm vững đặc điểm phát âm; cấu tạo, quy trình và cách viết các vần *oan, oăn, oat, oắt*.
- Hiểu rõ nghĩa của một số từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này (*khoan thai*: ở đây ý nói bước chậm, không vội vã; *thoăn thoắt*: ở đây ý nói chạy rất nhanh; *lích rích*: ở đây ý chỉ những tiếng kêu đều, nhỏ và trong của ở những chú chích bông; *nhọn hoắt*: nhọn đến mức gây cảm giác ghê sợ).
- *Khế*: là loại cây nhiệt đới, có nhiều cành, cao đến khoảng 5m, có lá kép dài khoảng 5cm, hoa màu tím. Quả khế màu vàng hoặc xanh, có 5 múi, có vị chua hoặc ngọt.
- *Xoan*: là loại cây thân gỗ. Cây trưởng thành cao từ 7 – 12m. Hoa xoan có 5 cánh, sắc tím nhạt hoặc tím hoa cà, mọc thành chùm. Hoa có hương thơm.
- *Chích bông*: là loại chim sống trong khu vực nhiệt đới tại châu Á. Loại chim này thường có màu sáng với phần trên có màu xanh lục hay xám và phần dưới màu trắng, vàng hay xám. Phần đầu của chúng màu hạt dẻ. Chích bông có cánh ngắn và thuôn tròn, đuôi ngắn, chân khoẻ, mỏ dài và cong, đuôi thường dựng đứng. Chích bông thường bắt sâu trên các loại cây lá.

1. Khởi động

GV tổ chức cho HS chơi trò chơi để tạo tâm thế cho giờ học.

2. Nhận biết

- HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi *Em thấy gì trong tranh?* Một số (2 – 3) HS trả lời.
- GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Trên phim hoạt hình/ voi bước khoan thai/ thỏ chạy thoăn thoắt.*
- GV giới thiệu các vần mới *oan, oăn, oat, oăt*. Viết tên bài lên bảng.

3. Đọc**a. Đọc vần**

- So sánh các vần
 - + GV giới thiệu vần *oan, oăn, oat, oăt*.
 - + Một số (2 – 3) HS so sánh vần *oan, oăn, oat, oăt* để tìm ra điểm giống và khác nhau. GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.
- Đánh vần các vần
 - + GV đánh vần mẫu các vần *oan, oăn, oat, oăt*.
 - + Một số (4 – 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 4 vần.
 - + Lớp đánh vần đồng thanh 4 vần một lần.
- Đọc trơn các vần
 - + Một số (4 – 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 4 vần.
 - + Lớp đọc trơn đồng thanh 4 vần một lần.
- Ghép chữ cái tạo vần
 - + HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần *oan*.
 - + HS tháo chữ *a*, ghép *ă* vào để tạo thành *oăn*.
 - + HS tháo chữ *n*, ghép *t* vào để tạo thành *oăt*.
 - + HS tháo chữ *ă*, ghép *a* vào để tạo thành *oat*.
- Lớp đọc đồng thanh *oan, oăn, oat, oăt* một số lần.

b. Đọc tiếng

- Đọc tiếng mẫu
 - + GV giới thiệu mô hình tiếng *khoan*. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *khoan*.

- + Một số (4 – 5) HS đánh vần tiếng *khoan* (*khờ – oan – khoan*). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng *khoan*.
- + Một số (4 – 5) HS đọc trơn tiếng *khoan*. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng *khoan*.
- Đọc tiếng trong SHS
 - + Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.
 - + Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt. Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.
- Ghép chữ cái tạo tiếng
 - + HS tự tạo các tiếng có chứa vần *oan, oăn, oat* hoặc *oăt*. GV yêu cầu 1 – 2 HS phân tích tiếng, 1 – 2 HS nêu lại cách ghép.
 - + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.

c. Đọc từ ngữ

- GV lần lượt đưa tranh minh họa cho từng từ ngữ: *hoa xoan, tóc xoăn, hoạt hình, nhon hoắt*. Sau khi đưa tranh minh họa cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *hoa xoan*, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ *hoa xoan* xuất hiện dưới tranh. HS nhận biết tiếng chứa vần *oan* trong *hoa xoan*, phân tích và đánh vần tiếng *xoan*, đọc trơn từ ngữ *hoa xoan*. GV thực hiện các bước tương tự đối với *tóc xoăn, hoạt hình, nhon hoắt*.
- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 – 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.

d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ

Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.

4. Viết bảng

- GV đưa mẫu chữ viết các vần *oan, oăn, oat, oăt*.
- GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần *oan, oăn, oat, oăt*.
- HS viết vào bảng con: *oan, oăn, oat, oăt* và *hoạt, xoăn, hoắt*. HS có thể chỉ viết hai vần *oăn* và *oăt* vì trong *oăn* có *oan* và trong *oăt* có *oat*.
- HS nhận xét bài của bạn.
- GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS.

TIẾT 2

5. Viết vở

- HS viết vào vở *Tập viết 1, tập một* các từ ngữ *tóc xoăn, nhon hoắt*.

- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.
- GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

6. Đọc đoạn

- GV đọc mẫu cả đoạn.
- HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần *oan, oăn, oat, oăt*.
- Một số (4 – 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần *oan, oăn, oat, oăt* trong đoạn văn một số lần.
- GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn văn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1 – 2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.
- Một số (2 – 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.
- HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn đã đọc:
 - + Vườn có những cây gì?
 - + Vì sao vườn cây lại ngập tràn sắc tím?
 - + Vì sao khu vườn thật là vui?
- GV và HS thống nhất câu trả lời.

7. Nói theo tranh

- GV hướng dẫn HS quan sát tranh trong SHS và nói về hoạt động của các bạn HS trong tranh (*Em thấy gì trong tranh? Các bạn HS đang làm gì? Em đã bao giờ trồng cây chưa? Em có thích trồng cây không? Vì sao?*).
- GV có thể mở rộng giúp HS tìm hiểu lợi ích của việc trồng cây, từ đó có ý thức trồng cây để bảo vệ môi trường sống.

8. Cùng cố

- HS tìm một số từ ngữ có chứa các vần *oan, oăn, oat, oăt* và đặt câu với từ ngữ tìm được.
- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.
- Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.